| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**THÀNH PHỐ BIÊN HÒA**<br>**TỈNH ĐỒNG NAI** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |

Bản án số: 51/2024/DS-ST
Ngày: 20-5-2024
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BIÊN HÒA, TỈNH ĐỒNG NAI**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Lê Huy Công

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Trần Công Danh;

Ông Trần Văn Chánh.

***- Thư ký phiên tòa:*** Ông Đặng Quang Minh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa tham gia phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Đông - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 787/2023/TLST-DS ngày 28 tháng 6 năm 2023 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 67/2024/QĐXXST-DS ngày 10 tháng 4 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên toà số: 529/2024/QĐST-DS ngày 26 tháng 4 năm 2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1956

Địa chỉ: E, T, phường V, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

*Người đại diện theo uỷ quyền:* Công ty Luật trách nhiệm hữu hạn Lê Huỳnh

Địa chỉ: 233/1, N, phường N, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh

*Người đại diện theo pháp luật:* ông Nguyễn Trương Văn T – Giám đốc

- *Bị đơn:* Ông Phạm Văn H1, sinh năm 1966

Địa chỉ: 13/6, Quốc lộ A, khu phố B, phường L, thành phố B, tỉnh Đồng Nai

*(Ông T – có đơn xin vắng mặt, ông H1 - vắng mặt)*

## NỘI DUNG VỤ ÁN

***Tại đơn khởi kiện và bản tự khai nguyên đơn và đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn trình bày:***

Ông Nguyễn Văn H có cho ông Phạm Văn H1 vay số tiền là 3.000.000.000 đồng (Ba tỷ đồng) theo "Giấy vay tiền" được lập vào ngày 01/8/2010 với thời hạn vay từ ngày 01/8/2010 đến tháng 12/2011 và tiền lãi mỗi năm là 20%. Theo nội dung thỏa thuận tại giấy vay tiền thì đến hết tháng 12/2011, ông H1 có trách nhiệm trả đủ số tiền nợ gốc và tiền lãi cho ông H. Tuy nhiên đến hết ngày 31/12/2011, ông H1 vẫn chưa trả lại số tiền này cho ông H.

Khoảng năm 2013 đến năm 2014, ông H và ông H1 có lập 02 (hai) biên bản xác nhận công nợ, cụ thể là biên bản xác nhận công nợ năm 2011, 2012 và 2013 được lập vào ngày 03/12/2013 và B xác nhận công nợ đến ngày 30/6/2014 được lập vào ngày 15/7/2014. Theo đó, ông H1 đã ký và xác nhận còn nợ khoản vay là 3.000.000.000 đồng (Ba tỷ đồng) và tiền lãi phát sinh theo giấy vay tiền. Đồng thời, do làm ăn kinh doanh thua lỗ, ông H1 đề nghị xin trả dần số nợ gốc và tiền lãi theo từng năm trong vòng 03 (ba) năm kể từ năm 2015. Tuy nhiên đến năm 2018, ông H1 vẫn chưa trả lại số tiền này cho ông H.

Mãi cho tới ngày 10/09/2020 đến ngày 29/6/2022, ông H1 mới bắt đầu trả khoản vay cho ông H thành nhiều đợt chuyển khoản, tổng số tiền mà ông H1 đã chuyển khoản cho ông H là 300.000.000 đồng *(Ba trăm triệu đồng)*, cụ thể như sau:

| STT | NGÀY GIAO DỊCH | SỐ TIỀN |
|---|---|---|
| 1 | 10/9/2020 | 70.000.000 đồng |
| 2 | 27/10/2020 | 100.000.000 đồng |
| 3 | 26/11/2020 | 30.000.000 đồng |
| 4 | 08/12/2020 | 20.000.000 đồng |
| 5 | 02/12/2021 | 30.000.000 đồng |
| 6 | 21/3/2022 | 15.000.000 đồng |
| 7 | 18/4/2022 | 25.000.000 đồng |
| 8 | 29/6/2022 | 10.000.000 đồng |
| **TỔNG CỘNG** | | **300.000.000 đồng** |

Nay nguyên đơn yêu cầu Tòa án buộc ông Phạm Văn H1 phải có trách nhiệm trả lại cho ông Nguyễn Văn H số tiền còn nợ là 2.700.000.000 đồng (Hai tỷ bảy trăm triệu đồng) và tiền lãi tạm tính trong 02 năm gần nhất tính đến thời điểm nộp đơn khởi kiện là 1.080.000.000 đồng (Một tỷ không trăm tám mươi triệu đồng) và tiền lãi tính từ ngày nộp đơn khởi kiện (ngày 20/6/2023) đến ngày Toà án mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải (ngày 10/4/2024) là 436.500.000 đồng (Bốn trăm ba mươi sáu triệu năm trăm nghìn đồng) căn cứ theo giấy vay tiền ngày 01/8/2010. Tổng cộng số tiền mà ông Phạm Văn H1 phải trả cho ông Nguyễn Văn H là 4.216.500.000 đồng (Bốn tỷ hai trăm mười sáu triệu năm trăm nghìn đồng).

Tuy nhiên, trước ngày mở phiên tòa xét xử, đại diện nguyên đơn rút lại yêu cầu bị đơn ông Phạm Văn H1 trả lãi số tiền và tiền lãi tạm tính trong 02 năm gần nhất tính đến thời điểm nộp đơn khởi kiện là 1.080.000.000 đồng (Một tỷ không trăm tám mươi triệu đồng) và tiền lãi tính từ ngày nộp đơn khởi kiện (ngày

20/6/2023) đến ngày Toà án mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải (ngày 10/4/2024) là 436.500.000 đồng (Bốn trăm ba mươi sáu triệu năm trăm nghìn đồng) căn cứ theo giấy vay tiền ngày 01/8/2010. Chỉ yêu cầu trả tiền nợ gốc là 2.700.000.000 đồng (Hai tỷ bảy trăm triệu đồng)

Về án phí và chi phí tố tụng khác: bị đơn phải chịu toàn bộ

***Bị đơn ông Phạm Văn H1:***

Ông H1 đã được Tòa án triệu tập để làm việc, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải và tham gia phiên tòa. Đồng thời, Tòa án đã thực hiện các thủ tục thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng về tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; tham gia phiên tòa đối với ông H1 nhưng ông H1 đều vắng mặt không có lý do nên không có lời trình bày trong quá trình giải quyết vụ án.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai phát biểu quan điểm tại phiên tòa:***

Việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa là đúng quy định Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn chấp hành đúng, bị đơn không chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Hồ sơ vụ án thể hiện ông H1 có ký giấy xác nhận công nợ còn nợ của ông H số tiền gốc là 3.000.000.000 đồng (Ba tỷ đồng). Từ ngày 10/09/2020 đến ngày 29/6/2022, ông H1 bắt đầu trả khoản vay cho ông H thành nhiều đợt chuyển khoản, tổng số tiền mà ông H1 đã chuyển khoản cho ông H là 300.000.000 đồng (Ba trăm triệu đồng) rồi không trả nữa. Ông H cung cấp giấy vay tiền ngày 01/08/2010, Biên bản xác nhận công nợ năm 2011, 2012, 2013 và Bản xác nhận công nợ đến 30/6/2014. Yêu cầu của nguyên đơn buộc ông H1 phải trả số tiền vay 2.700.000.000 đồng (Hai tỷ, bảy trăm triệu đồng) và lãi suất theo quy định pháp luật là có căn cứ chấp nhận. Tuy nhiên, trước khi mở phiên tòa xét xử sơ thẩm đại diện nguyên đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền lãi và chỉ yêu cầu bị đơn trả tiền gốc là 2.700.000.000đồng (Hai tỷ, bảy trăm triệu đồng). Do đó, căn cứ Điều 463, 464, 468 Bộ luật Dân sự chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn trả số tiền nợ gốc là 2.700.000.000đồng (Hai tỷ, bảy trăm triệu đồng), buộc bị đơn phải chịu án phí theo quy định.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1]. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Toà án: Nguyên đơn ông Nguyễn Văn H khởi kiện yêu cầu bị đơn ông Phạm Văn H1 thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo "Giấy vay tiền" được lập vào ngày 01/8/2010. Theo kết quả xác minh ngày 21/3/2024 do Công an phường L, thành phố B, tỉnh Đồng Nai cung cấp thì thời điểm nguyên đơn nộp đơn khởi kiện và được Tòa án thụ lý giải quyết bị đơn hiện đang cư trú tại: 1, Quốc lộ A, khu phố B, phường L, thành phố B, tỉnh Đồng Nai. Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1, khoản 3 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án là "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản", vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

[2]. Cũng theo kết quả xác minh ngày 21/3/2024 do Công an phường L, thành phố B, tỉnh Đồng Nai thì từ cuối tháng 12 năm 2023 ông H1 không còn cư trú tại địa chỉ: 1, Quốc lộ A, khu phố B, phường L, thành phố B, tỉnh Đồng Nai. Hiện nay địa phương không biết ông H1 đi đâu, làm gì. Tuy nhiên, "Giấy vay tiền" được lập vào ngày 01/8/2010 thể hiện địa chỉ của bị đơn và thời điểm nguyên đơn nộp đơn khởi kiện, Tòa án thụ lý giải quyết bị đơn hiện đang cư trú tại: 1, Quốc lộ A, khu phố B, phường L, thành phố B, tỉnh Đồng Nai. Khi thay đổi địa chỉ bị đơn không thông báo cho nguyên đơn biết, theo Nghị Quyết số: 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05 tháng 5 năm 2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thì xem như bị đơn cố tình giấu địa chỉ.

[3]. Nguyên đơn ông Nguyễn Văn H ủy quyền tham gia tố tụng cho Công ty Luật trách nhiệm hữu hạn Lê H2, người đại diện theo pháp luật của Công ty là ông Nguyễn Trương Văn T có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa. Bị đơn ông Phạm Văn H1 vắng mặt không có lý do. Căn cứ Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự nêu trên.

[4]. Về yêu cầu khởi kiện:

[4.1]. Theo "Giấy vay tiền" ngày 01/8/2010 thể hiện bên vay là ông Phạm Văn H1 có ký giấy vay tiền với nội dung ông Phạm Văn H1 vay của ông Nguyễn Văn H số tiền 3.000.000.000 đồng (Ba tỷ đồng), thời gian vay từ ngày 01/8/2010 đến tháng 12/2011, với lãi suất 20%/năm. Đến hết ngày 31/12/2011, ông H1 không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho ông H theo thỏa thuận. Sau đó, ông H1 tiếp tục ký "Biên bản xác nhận công nợ năm 2011, 2012 và 2013" ghi ngày 03/12/2013 và "Bản xác nhận công nợ đến ngày 30/6/2014" ghi ngày 15/7/2014 xác nhận công nợ số tiền nợ gốc 3.000.000.000 đồng (Ba tỷ đồng) và lãi với ông Nguyễn Văn H. Theo "Bản xác nhận công nợ đến ngày 30/6/2014" ghi ngày 15/7/2014, thì ông H1 xác định do làm ăn kinh doanh thua lỗ nên ông H1 đề nghị xin trả dần số nợ gốc và tiền lãi theo từng năm trong vòng 03 (ba) năm kể từ năm 2015. Tuy nhiên, đến hết năm 2018, ông H1 vẫn chưa trả lại số tiền này cho ông H. Từ ngày 10/09/2020 đến ngày 29/6/2022, ông H1 mới bắt đầu trả khoản vay cho ông H thành nhiều đợt chuyển khoản (08 lần chuyển tiền trả vào tài khoản Ngân hàng của ông H), tổng số tiền mà ông H1 đã chuyển khoản cho ông H là 300.000.000 đồng (Ba trăm triệu đồng).

[4.2]. Nguyên đơn đã giao nộp các tài liệu, chứng cứ: Bản chính "Giấy vay tiền" ghi ngày 01/8/2010; "Biên bản xác nhận công nợ năm 2011, 2012 và 2013" ghi ngày 03/12/2013; "Bản xác nhận công nợ đến ngày 30/6/2014" ghi ngày 15/7/2014; Bản sao kê tên tài khoản NGUYỄN VĂN HẠNH, số tài khoản 0071004770101 từ ngày 01/7/2020 đến ngày 31/12/2020, từ ngày 01/7/2021 đến ngày 31/12/2021 và từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/6/2022 của Ngân hàng V để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình. Bị đơn ông Phạm Văn H1 đã được Tòa án tống đạt (niêm yết) các văn bản tố tụng gồm: Thông báo về việc thụ lý vụ án, giấy triệu tập làm việc, thông báo về việc yêu cầu cung cấp tài liệu chứng cứ và ý kiến đối với các yêu cầu của nguyên đơn, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải, thông báo kết quả về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa, đơn khởi kiện, các tài liệu chứng cứ nguyên đơn giao nộp cho Tòa án. Đồng thời, Tòa án đã thực hiện các thủ tục thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng về phiên họp kiểm tra việc giao

nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Phiên tòa xét xử vụ án dân sự với ông H1. Tuy nhiên, ông H1 vắng mặt, không thực hiện nghĩa vụ chứng minh, cung cấp tài liệu, chứng cứ để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Do đó, theo quy định Điều 91, Điều 96 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử căn cứ vào chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ để giải quyết vụ án.

[4.3]. Căn cứ vào trình bày, các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp và do Tòa án thu thập được, xác định ông Phạm Văn H1 vay của ông Nguyễn Văn H số tiền 3.000.000.000 đồng (Ba tỷ đồng) là có thật. Theo quy định tại Điều 470 của Bộ luật Dân sự đây là khoản vay xác định thời hạn. Hết thời hạn vay mặc dù ông H đã nhiều lần yêu cầu nhưng ông H1 mới trả được 300.000.000 đồng (Ba trăm triệu đồng). Ông Phạm Văn H1 đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay theo quy định tại Điều 466 Bộ luật Dân sự.

Từ những phân tích nêu trên, xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn H là có căn cứ. Do đó, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn số tiền nợ là 2.700.000.000 đồng (Hai tỷ bảy trăm triệu đồng).

[5]. Về phần lãi suất:

Trước ngày mở phiên tòa xét xử, đại diện nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện. Nguyên đơn không yêu cầu bị đơn ông Phạm Văn H1 trả lãi số tiền và tiền lãi tạm tính trong 02 năm gần nhất tính đến thời điểm nộp đơn khởi kiện là 1.080.000.000 đồng (Một tỷ không trăm tám mươi triệu đồng) và tiền lãi tính từ ngày nộp đơn khởi kiện (ngày 20/6/2023) đến ngày Toà án mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải (ngày 10/4/2024) là 436.500.000 đồng (Bốn trăm ba mươi sáu triệu năm trăm nghìn đồng).

Xét thấy, việc rút một phần yêu cầu khởi kiện này không vi phạm quy định của pháp luật, không trái đạo đức xã hội và có lợi cho bị đơn nên đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu này.

[6]. Về án phí dân sự sơ thẩm và chi phí tố tụng khác:

Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn ông Phạm Văn H1 phải nộp 86.000.000đ (T1 mươi sáu triệu đồng) án phí dân sự có giá ngạch.

Buộc ông Phạm Văn H1 hoàn trả lại số tiền 4.000.000 đồng (Bốn triệu đồng) chi phí thực hiện thủ tục thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng cho ông Nguyễn Văn H.

[7]. Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

## QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ: khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1, khoản 3 Điều 39, Điều 91, Điều 96, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 266, Điều 217, Điều 219, Điều 244, Điều 266, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ: Điều 357, Điều 463, Điều 466, Điều 468, Điều 470 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội

đồng Thẩm phán Toà án nhân dân tối cao; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

**1.** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn H về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" đối với ông Phạm Văn H1.

- Buộc ông Phạm Văn H1 có nghĩa vụ trả cho ông Nguyễn Văn H số tiền nợ là 2.700.000.000đ (Hai tỷ bảy trăm triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

**2.** Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với yêu cầu bị đơn trả tiền lãi số tiền 1.516.500.000 đồng (Một tỷ, năm trăm mười sáu triệu, năm trăm nghìn đồng).

**3.** Về án phí dân sự sơ thẩm và chi phí tố tụng:

**3.1.** Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn ông Phạm Văn H1 phải nộp 86.000.000đ (T1 mươi sáu triệu đồng) án phí dân sự có giá ngạch.

**3.2.** Về chi phí tố tụng: Buộc ông Phạm Văn H1 hoàn trả lại số tiền 4.000.000 đồng (Bốn triệu đồng) chi phí thực hiện thủ tục thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng cho ông Nguyễn Văn H.

**4.** Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***
- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân TP. Biên Hòa;
- Chi cục thi hành án dân sự TP. Biên Hòa;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai;
- Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lê Huy Công**